

Số: ~~1349~~/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày 28 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án dạy và học tiếng dân tộc Mường
giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2035
trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011- 2020”; Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025”;

Căn cứ Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về phê chuẩn bộ chữ dân tộc Mường; Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 27/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về triển khai ứng dụng Bộ chữ dân tộc Mường tại tỉnh Hòa Bình;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 936/TTr-SGD&ĐT ngày 7/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án dạy và học tiếng dân tộc Mường giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD-ĐT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (VP.20^b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Văn Cửu

47

ĐỀ ÁN

**Dạy và học Tiếng dân tộc Mường giai đoạn 2018-2025,
tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1349~~ /QĐ-UBND ngày 28/6/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

Phần mở đầu

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Hòa Bình được coi là cái nôi của người Mường ở Việt Nam, nơi đây người Mường đã sản sinh ra một nền văn hoá rực rỡ “Văn hóa Hòa Bình”. Chính vậy mà đời sống văn hóa của người Mường rất phong phú và đậm đà bản sắc, những nét đẹp văn hóa đó luôn được nuôi dưỡng và thấm đẫm trong mọi lĩnh vực của đời sống cộng đồng. Cùng với thời gian, các giá trị văn hóa của người Mường đã chứng tỏ một sức sống bền bỉ trong chiều dài lịch sử dân tộc, điều đó càng khẳng định sự phong phú và đa dạng của văn hóa Mường đang ngày càng phát triển trong không gian rộng mở của thời đại mới.

Khi nói đến văn hóa người Mường, là chúng ta nói đến đặc trưng văn hóa của bốn Mường lớn: Bi-Vang-Thàng-Động, đây cũng là nơi chứa đựng gần như nguyên vẹn bản sắc văn hóa truyền thống của người Mường nói chung và của Hòa Bình nói riêng. Người Mường là một dân tộc chiếm đa số trong cộng đồng các dân tộc ở Hòa Bình. Văn hóa của người Mường nói chung và người Mường ở Hòa Bình nói riêng là những nét độc đáo, thể hiện đậm nét bản sắc văn hóa, tâm lý tộc người, trình độ và các mối quan hệ cộng đồng của một dân tộc. Vì vậy ngôn ngữ dân tộc Mường luôn được sử dụng phổ biến trong các sinh hoạt văn hóa truyền thống, trong đời sống hàng ngày, do đó có ảnh hưởng rất lớn tới đời sống tinh thần, vật chất của các cư dân đang sinh sống nơi đây.

Như chúng ta đã biết, phương tiện chuyển tải quan trọng nhất văn hóa của một dân tộc chính là ngôn ngữ và chữ viết. Tuy nhiên trong lịch sử ngôn ngữ dân tộc Mường chưa có chữ viết chính thức. Điều này đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình lưu giữ, trao truyền các giá trị văn hóa truyền thống. Trước yêu cầu của thực tiễn và nguyện vọng của nhân dân, năm 2016, trên cơ sở kết quả đề tài nghiên cứu khoa học “Xây dựng bộ chữ dân tộc Mường góp phần giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc Mường”, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê chuẩn và ban hành chính thức bộ chữ dân tộc Mường.

Việc ra đời bộ chữ chính thức của dân tộc Mường không chỉ là dấu mốc quan trọng đối với văn hóa Mường, mà còn giúp cho việc bảo tồn, phát huy văn hóa Mường sẽ thuận lợi hơn, chính xác hơn. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở bộ chữ, hoặc chỉ thông qua việc tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, hoặc trong đội ngũ cán bộ các cấp thì chưa đủ. Mà cần phải có các giải pháp bền vững hơn, lâu dài hơn, đó là đưa bộ chữ viết của người Mường vào các nhà trường, các trung tâm giáo dục cộng đồng..., coi đây là một nhiệm vụ truyền bá văn hóa của các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Việc phổ biến chữ viết của người Mường không những góp phần lưu giữ bản sắc văn hoá dân tộc mà còn tăng thêm niềm tin yêu, tự hào dân tộc qua tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình, từ đó có những định hướng đúng cho việc giáo dục thế hệ trẻ, góp phần gìn giữ và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống tích cực, góp phần xây dựng quê hương Hòa Bình ngày càng giàu đẹp.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở khoa học

Trong những năm gần đây, nhiều nhà khoa học đã tham gia nghiên cứu về tiếng nói, chữ viết dân tộc Mường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, góp phần không nhỏ trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc Mường, đồng thời là cơ sở cho việc đưa chữ viết dân tộc Mường đến với người Mường trong địa bàn tỉnh Hòa Bình, trong đó đáng chú ý là các công trình khoa học nổi bật:

Báo cáo xây dựng bộ gõ Chữ Mường, do nhóm tác giả PGS.TS. Nguyễn Phương Thái; ThS. Phạm Văn Lam thuộc Viện Ngôn ngữ học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam thực hiện và công bố tháng 12 năm 2017;

Tài liệu học chữ Mường cho người biết nói Tiếng Mường và biết Tiếng Việt, thuộc đề tài “Xây dựng Bộ gõ chữ Mường, Biên soạn tài liệu dạy và học chữ Mường; Cơ quan chủ trì Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Cơ quan phối hợp Viện Ngôn ngữ học thuộc Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, do GS.TS Nguyễn Văn Khang chủ nhiệm đề tài, công bố tháng 02 năm 2018.

Sách học chữ Mường cho người biết nói tiếng Mường và biết tiếng Việt, thuộc đề tài “Xây dựng Bộ gõ chữ Mường, Biên soạn tài liệu dạy-học chữ Mường; Cơ quan chủ trì Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Cơ quan phối hợp Viện Ngôn ngữ học, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, chủ nhiệm đề tài GS.TS Nguyễn Văn Khang, Hòa Bình tháng 2/2018; các ủy viên tham gia: Bùi Nợi, Nghệ nhân ưu tú; TS. Phạm Văn Lam, Viện Ngôn ngữ học; Bùi Thị Niềm, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hòa Bình; TS. Phạm Thị Hà, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; ThS. Bùi Thị Kim Phúc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hòa Bình; Đề tài nghiên cứu về: Tài liệu tiếng Mường cơ sở; tài liệu đọc, hiểu tiếng Mường; hướng dẫn dạy tiếng nói, chữ viết Mường.

2. Cơ sở lý luận

Đề án dạy và học tiếng dân tộc Mường của tỉnh Hòa Bình được xây dựng trên quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về văn hóa và dân tộc, cụ thể:

2.1. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội lần thứ VII (6/1991).

2.2. Nghị quyết Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

2.3. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001) của Đảng khẳng định: "Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội".

2.4. Nghị quyết Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX (tháng 7/2004); Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (4/2006); Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (01/2011) của Đảng.

2.5. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (1/2016) của Đảng tiếp tục khẳng định phương hướng, nhiệm vụ: “Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng đảm bảo sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”⁽¹⁾. Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.

2.6. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020 (ngày 16/9/2015), đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém về giáo dục và đào tạo, đồng thời đã chỉ ra mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cho ngành giáo dục: "... đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ, toàn diện và thực chất các điều kiện đảm bảo chất lượng đưa sự nghiệp giáo dục và đào tạo phát triển theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa...nâng cao dân trí..., tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đủ năng lực, trình độ và phẩm chất đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế; tạo chuyển biến căn bản, rõ nét về chất lượng, hiệu quả hướng tới mục tiêu xây dựng sự nghiệp giáo dục và đào tạo phát triển bền vững, đồng bộ trên nền tảng xã hội học tập tiến bộ...".

2.7. Để đáp ứng những yêu cầu mới phát triển văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, trong thời gian qua nhiều nhà khoa học trong tỉnh đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học về văn hóa, giáo dục, công tác quản lý giáo dục dưới nhiều góc độ và các ngành học khác nhau. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục và đào tạo được các cấp các ngành quan tâm trong đó, đặc biệt là Đề tài xây dựng Bộ chữ cho người dân tộc Mường tại Hòa Bình được thực hiện, có kế hoạch triển khai.

2.8. Lần đầu tiên người Mường Hòa Bình với dân số hơn 520.000 người (có số dân đông thứ 3 trong 53 dân tộc thiểu số tại Việt Nam) đã có chữ viết. Việc xây dựng bộ chữ Mường và việc dạy tiếng Mường có ý nghĩa rất quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc Mường; đồng thời là cơ sở cho việc lập hồ sơ khoa học trình UNESCO công nhận Mo Mường là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

2.9. Tỉnh ủy Hòa Bình có Chương trình hành động số 17-Ctr/TU ngày 31/01/2013 của Tỉnh ủy Hòa Bình về việc thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2.10. Thông báo số 1054-TB/VPTU ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Văn phòng Tỉnh ủy về Kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.

¹ VK ĐH XII tr 126

3. Cơ sở pháp lý

3.1. Luật Giáo dục số 38/2005/QH11, ngày 14 tháng 6 năm 2005;

3.2. Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13, ngày 18/6/2012;

3.3. Luật khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13, ngày 18/6/2013;

3.4. Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên;

3.5. Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ Quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ;

3.6. Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ Quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia của nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam;

3.7. Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

3.8. Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh, đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ công chức, công tác ở các vùng dân tộc, miền núi;

3.9. Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011- 2020”;

3.10. Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

3.11. Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018- 2025”;

3.12. Quyết định số 53-CP ngày 22/02/1980 của Hội đồng Chính phủ về chủ trương đối với chữ viết của các dân tộc thiểu số;

3.13. Thông tư Liên tịch số 50/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 03/11/2011 Hướng dẫn thực hiện các điều 3, 4, 5, 6, 7, 8 và điều 9 Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên;

3.14. Thông tư liên tịch số 35/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 19/9/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn;

3.15. Quyết định số 02/2006/QĐ-BGDĐT ngày 24/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các chương trình đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết) cho giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số;

3.16. Quyết định số 03/2006/QĐ-BGDĐT ngày 24/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các chương trình dạy tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết) cho cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số;

3.17. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

3.18. Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15/01/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Điều lệ trường Cao đẳng;

3.19. Quyết định số 246/QĐ-BVHTTDL, ngày 19/01/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia;

3.20. Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập;

3.21. Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và văn bản của Bộ, ngành, địa phương hướng dẫn thực hiện Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính;

3.22. Thông tư Số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính Hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức;

3.23. Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Quy định mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Hòa Bình;

3.24. Nghị quyết Số 26/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020;

3.25. Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 27/5/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về "Phê duyệt quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2010- 2020";

3.26. Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 11/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

3.27. Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về phê chuẩn bộ chữ dân tộc Mường;

3.28. Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 27/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về triển khai ứng dụng Bộ chữ dân tộc Mường tại tỉnh Hòa Bình.

4. Cơ sở thực tiễn

4.1. Về dân số: Trên địa bàn tỉnh Hòa Bình hiện nay có 7 dân tộc cùng chung sống, trong đó người Mường chiếm đa số. Theo thống kê, năm 2015 dân số tỉnh Hòa Bình có trên 83 vạn người, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%. Trong đó, dân tộc Mường chiếm 63,3%; dân tộc Kinh chiếm 27,7%; các dân tộc Thái, Tày, Dao, Mông, Hoa và một số dân tộc khác chiếm 9%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2015 là 55%, trong đó, đào tạo nghề chiếm 45%.

4.2. Về văn hóa: Dân tộc Mường là một dân tộc có kho tàng văn hóa truyền thống đồ sộ, độc đáo trên tất cả các lĩnh vực văn hóa vật thể và phi vật thể. Tiêu biểu phải kể đến là truyền thống làm ruộng trồng lúa nước. Đây là một bước nhảy vọt có tính đột phá trong việc chuyển đổi từ phương thức sản xuất từ hái lượm sang phương thức sản xuất nông nghiệp mà các nhà khoa học đã khẳng định: Từ cuộc cách mạng đá mới đến sự phát minh đồng thau, cư dân Mường đã tạo được một bước nhảy vọt về kỹ thuật nhằm đáp ứng những nhu cầu của sản xuất nông nghiệp. Từ đó tạo ra giống lúa nước với phương thức canh tác gieo mạ cho hạt nảy mầm rồi cấy. Đó cũng chính là giá trị nhân văn lớn nhất mà nền “Văn hóa Hòa Bình” đã để lại không chỉ cho cộng đồng các dân tộc Mường mà cho toàn nhân loại.

Nhà sàn của người Mường là một kiểu nhà độc đáo, thể hiện tính linh hoạt trong việc tận dụng môi trường tự nhiên. Đó là những ngôi nhà sàn được dựng theo kiểu truyền thống, từ nơi đây, người Mường đã tạo nên cho mình một tập quán riêng trong sinh hoạt hàng ngày cũng như trong lao động sản xuất, vừa trồng lúa, làm nương rẫy, vừa chăn nuôi gia súc gia cầm. Nhà sàn của người Mường ngoài công năng để ở và cất trữ tài sản, phòng tránh thú dữ, rắn, rết và phù hợp với điều kiện khí hậu nóng ẩm ở vùng núi, còn là nơi giữ gìn bản sắc văn hóa, giáo dục các thành viên trong gia đình. Trang phục cũng như tạo hình và phong cách thẩm mỹ trên trang phục của người Mường có đặc trưng riêng, tạo nên những nét duyên dáng cho các cô gái Mường.

Đồng bào Mường có một kho tàng văn nghệ dân gian phong phú với nhiều thể loại như: thơ dài, bài mo, truyện cổ, dân ca, ví dặm, tục ngữ. Người Mường còn có hát ru em, đồng dao, hát đập hoa, hát đố, hát trẻ con chơi... Công chiêng là nhạc cụ đặc sắc của đồng bào Mường, ngoài ra còn nhị, sáo trống, khèn lù. Đặc sắc nhất trong các loại hình này chính là những làn điệu của những bài dân ca Mường. Mộc mạc và giản dị nhưng nền văn hóa đặc sắc của người Mường cùng trường ca “Đẻ đất đẻ nước” đã được truyền lại qua bao thế hệ, để ngày nay mang trong mình một sức sống mạnh mẽ, lâu bền.

Với những giá trị truyền thống phong phú, những thế hệ đồng bào Mường cùng nhau xây dựng bản làng, phát triển đời sống văn hóa tinh thần, cuộc sống ngày càng ấm no hạnh phúc... và cùng các dân tộc anh em xây dựng đất nước, địa phương ngày càng giàu mạnh.

Trong thống kê về tốc độ tăng trưởng GDP kinh tế của tỉnh Hòa Bình, chúng ta thấy có sự đóng góp không nhỏ và quan trọng của các ngành nghề sản xuất truyền thống được nuôi dưỡng bởi bản sắc văn hóa Mường như: Âm thực, Lễ hội, Trang phục, Nhà ở và các loại hình Du lịch sinh thái...

4.3. Về Du lịch: Hòa Bình có nhiều hang động tự nhiên, kết hợp với phong cảnh thiên nhiên hùng vĩ, là điều kiện tốt để phát triển du lịch sinh thái. Giai đoạn 2011-2015, ước tính có khoảng 9.260 nghìn lượt khách tới tham quan du lịch tại tỉnh, trong đó có 731 nghìn lượt khách quốc tế.

4.4. Về đầu tư cho văn hóa: Đã có một số công trình nghiên cứu, và đề án, đề tài về văn hóa Mường nói chung và tiếng dân tộc Mường nói riêng được tỉnh đầu tư bằng ngân sách nhà nước. Theo số liệu gần đây của Sở kế hoạch và Đầu tư, trong danh mục dự án, tỉnh đã đầu tư cho việc tôn tạo di sản văn hóa Mường Bi (Tân Lạc); đầu tư Tôn tạo di tích khu mộ cổ Đống Thếch, xã Vĩnh Đồng, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Bên cạnh đó, thời gian qua, tỉnh Hòa Bình cũng quan tâm đã ban hành một số chương trình, cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm thúc đẩy phát triển văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. Khoa học công nghệ đã có những đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương, đổi mới phương pháp làm việc, bồi dưỡng cán bộ các cấp nâng cao hiệu quả công tác của cán bộ công chức, viên chức và nâng cao đời sống nhân dân. Tuy nhiên, công tác tham mưu, đề xuất các chính sách để khai thác những yếu tố văn hóa nội lực của địa phương nói chung còn chậm, chưa có cơ chế phù hợp để khuyến khích phát huy hết tiềm năng và lợi thế bản sắc văn hóa của các dân tộc, đặc biệt là bản sắc văn hóa dân tộc Mường để làm động lực cho tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh.

Từ những vấn đề thực tiễn nói trên, đặt ra cho các cấp các ngành là cần quan tâm phát huy hết tiềm năng và lợi thế nội lực trong bản sắc văn hóa của các dân tộc, đặc biệt là tiếng nói, chữ viết của dân tộc Mường.

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG VỀ SỰ HIỂU BIẾT TIẾNG NÓI, CHỮ VIẾT DÂN TỘC MƯỜNG VÀ QUY MÔ TRƯỜNG LỚP HỌC

I. THỰC TRẠNG VỀ SỰ HIỂU BIẾT TIẾNG NÓI, CHỮ VIẾT DÂN TỘC MƯỜNG TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Qua điều tra, khảo sát tính tới ngày 30 tháng 6 năm 2018, thực trạng hiểu biết về tiếng nói, chữ viết dân tộc Mường trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc và không phải là người dân tộc Mường cần được bồi dưỡng tiếng nói, chữ viết dân tộc Mường như sau:

- Về số lượng cán bộ, công chức hành chính cấp tỉnh, huyện tính đến 30/6/2018: Tổng số công chức hiện có là 2180, dân tộc thiểu số là 802, chiếm 36.78%, cán bộ công chức hành chính cấp tỉnh, huyện là 1378 (chiếm khoảng 63%) không phải người dân tộc cần được bồi dưỡng tiếng dân tộc Mường.

- Số lượng cán bộ, công chức cấp xã và viên chức Sở Y tế tính đến 30/6/2018: Tổng số hiện có 5946, dân tộc thiểu số là 3698 (chiếm 62.19%) và 38% cán bộ, chuyên trách công chức cấp xã, viên chức Sở Y tế không phải người dân tộc cần được bồi dưỡng tiếng dân tộc Mường.

- Số lượng công chức, viên chức sự nghiệp và các tổ chức hội cấp tỉnh, huyện tính đến 30/6/2018: Tổng số 23.063 trong đó dân tộc 11.808 (chiếm 51.19%), công chức, viên chức sự nghiệp và các tổ chức hội cấp tỉnh, huyện 11.255 (chiếm hơn 48%) cần được bồi dưỡng tiếng dân tộc Mường.

* Qua phân tích số liệu, cơ cấu thành phần dân tộc như trên ước tính: số lượng, cán bộ, công chức, viên chức trong toàn tỉnh không phải là dân tộc thiểu số cần được bồi dưỡng tiếng dân tộc Mường là 16.331 người.

- Giả thuyết đặt ra là:

+ Giả thuyết 1: Nếu thực trạng cán bộ quản lý là người dân tộc, thì biết nói tiếng dân tộc.

+ Giả thuyết 2: Nếu thực trạng cán bộ quản lý không phải là người dân tộc, thì không biết nói tiếng dân tộc.

Từ hai giả thuyết nêu trên, có thể thấy nhu cầu cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh không phải là dân tộc thiểu số cần được bồi dưỡng tiếng dân tộc Mường là rất lớn.

Như vậy, nếu ước tính cứ bình quân 50 học viên/01 lớp học, thì có tổng số lớp học và kinh phí dự kiến như sau: Tổng số lớp học là 326,62 lớp. Nếu chương trình mỗi lớp bồi dưỡng được kết cấu nội dung bình quân tương đương bằng 150 tiết. Tổng số tiết phải dạy sẽ là khoảng: 48.992 tiết.

Tuy nhiên, đề án cũng chưa dự tính hết được thực trạng những vấn đề có thể phát sinh như: Cán bộ không phải người dân tộc Mường, nhưng lại biết nói tiếng dân tộc Mường hoặc cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc Mường, nhưng lại không biết nói tiếng dân tộc Mường.... điều này cần có thời gian tiến hành điều tra xã hội học cụ thể với sự phối hợp của nhiều ngành, nhiều cấp.

II. QUY MÔ TRƯỜNG LỚP HỌC

Năm học 2018-2019, toàn ngành giáo dục hiện có 640 trường học, với tổng số là 212.242 học sinh, sinh viên⁽²⁾. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 20.342; trong đó có 19.085 biên chế; 1.257 nhân viên hợp đồng. Căn cứ vào hiện trạng quy mô lớp học, số học sinh, sinh viên, học viên giáo viên và nhân viên có thể ước tính yêu cầu về học tiếng dân tộc Mường như sau:

1. Đối với khối trường tiểu học

Ước tính qui mô số lớp, số tiết dạy và học tiếng dân tộc Mường cho các Trường Tiểu học từ năm học 2024-2025 tầm nhìn 2035 như sau:

- Từ lớp 1 đến lớp 5; mỗi khối lớp học 70 tiết tiếng dân tộc thiểu số (theo Chương trình giáo dục phổ thông mới).

- Số liệu tính toán: $3.163 \text{ lớp} \times 70 \text{ tiết/lớp} \times 10 \text{ năm} = 2.214.100 \text{ tiết}$.

² Có 225 trường Mầm non (trong đó có 7 trường mầm non tư thục); 132 trường Tiểu học (trong đó có 3 trường PTDTBT); 118 trường THCS (trong đó có 6 trường PTDTBT); 102 trường THPT&THCS (trong đó có 4 trường PTDTBT THPT&THCS); 1 trường PTCS; 02 trường PTDTNT THCS; 10 trường PTDTNT THCS&THPT; 01 trường PTDTNT THPT; 36 trường THPT; 01 Trung tâm GDTX tỉnh; 01 Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp, Hướng nghiệp - Ngoại ngữ và Tin học; 1 trường Cao đẳng Sư phạm; 10 Trung tâm GDNN, GDNN-GDTX huyện, 210 Trung tâm học tập cộng đồng.

2. Đối với khối trường Trung học cơ sở

Ước tính qui mô số lớp, số tiết dạy và học tiếng dân tộc Mường cho Khối trường THCS từ năm học 2024-2025 tầm nhìn 2035 như sau:

- Từ lớp 6 đến lớp 9; mỗi khối lớp học 105 tiết tiếng dân tộc thiểu số (theo Chương trình giáo dục phổ thông mới).

- Số liệu bằng $1.686 \text{ lớp} \times 105 \text{ tiết/lớp} \times 10 \text{ năm} = 1.770.300 \text{ tiết}$

3. Đối với Khối Trung học phổ thông

Ước tính qui mô số lớp, số tiết dạy và học tiếng dân tộc Mường cho Khối trường Trung học phổ thông như sau:

- Từ lớp 10 đến lớp 12; mỗi khối lớp học 105 tiết tiếng dân tộc thiểu số (theo Chương trình giáo dục phổ thông mới).

- $696 \text{ lớp} \times 105 \text{ tiết/lớp} \times 10 \text{ năm} = 730.800 \text{ tiết}$

4. Đối với khối trường dân tộc nội trú

- 12 trường PTDTNT THCS-THPT ; 01 trường PTDTNT THPT (mỗi khối học 03 lớp; trường DTNT tỉnh là 05lớp/ khối).

- Trường PTDTNT THPT: Từ lớp 10 đến lớp 12 mỗi khối có 5 lớp; mỗi khối lớp học 105 tiết tiếng dân tộc thiểu số (theo Chương trình giáo dục phổ thông mới dự thảo). $15 \text{ lớp} \times 105 \text{ tiết} = 1575 \text{ tiết}$;

- 12 trường PTDTNT THCS-THPT: gồm 7 khối lớp, mỗi khối 3 lớp: $252 \text{ lớp} \times 105 \text{ tiết} = 26.460 \text{ tiết}$;

Tổng số: $267 \text{ lớp} \times 105 \text{ tiết} = 28.035 \text{ tiết}$

5. Đối với khối Trung tâm Giáo dục thường xuyên

- GDNN và Trung tâm giáo dục cộng đồng (TTGDTX-GDNN, GDNN và TTHTCD):

Bao gồm 07 Trung tâm GDNN-GDTX huyện, 03 trung tâm GDNN huyện, 01 Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh; 210 Trung tâm học tập cộng đồng.

- Trung tâm GDTX-GDNN: $11 \times 3 \text{ lớp} = 33 \text{ lớp}$

- Trung tâm học tập cộng đồng: 210 lớp

- Tổng số $243 \text{ lớp} \times 105 \text{ tiết} = 25.515 \text{ tiết}$

6. Đối với sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình

- Tổng số sinh viên năm học 2018-2019: 15 lớp; 485 sinh viên (SV)

- Chương trình đào tạo một khóa sinh viên: 10 tín chỉ/lớp (150 tiết).

- Tổng số tiết: $15 \text{ lớp} \times 150 \text{ tiết} \times 3 \text{ khóa} = 6.750 \text{ tiết}$.

7. Đối với giáo viên, nhân viên ngành giáo dục

- Tổng số giáo viên nhân viên năm 2018-2019: 20.345 người = 400 lớp

- Chương trình đào tạo cho mỗi lớp: 10 tín chỉ (150 tiết)
- Tổng số tiết: 400 lớp x 150 tiết = 60.000 tiết

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Việc dạy và học, bồi dưỡng tiếng nói, chữ viết của dân tộc Mường cho cán bộ, công chức, viên chức và mọi người dân trên địa bàn tỉnh Hòa Bình là góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc Mường tại tỉnh Hòa Bình.

- Đưa chữ viết của dân tộc Mường trở thành một nhân tố nền tảng, bền vững trong việc giáo dục đạo đức, lòng tự tôn dân tộc thông qua các giá trị văn hóa đối với thế hệ trẻ.

- Đóng góp vào sự đa dạng trong văn hóa các dân tộc anh em, đồng thời góp phần không nhỏ vào sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể

Việc dạy và học tiếng nói chữ viết dân tộc Mường được tổ chức dưới nhiều hình thức cho toàn thể cán bộ viên chức, công chức, học sinh, sinh viên ở tất cả các bậc học, cấp học trên địa bàn tỉnh. Cụ thể: đến năm 2021, có 5% cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành chương trình học tiếng Mường; đến năm 2022, 100% học sinh, sinh viên trong địa bàn tỉnh Hòa Bình được học tiếng Dân tộc Mường. Đến năm 2025, có trên 20% cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành chương trình học tiếng Mường. Đến 2035, 100% cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc Mường sử dụng thành thạo tiếng dân tộc Mường, cụ thể, như sau:

- Từ năm 2018 đến 2020: Tiếp thu chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc triển khai xây dựng Đề án; tổ chức xây dựng Đề án; Xây dựng đội ngũ chuyên gia, giảng viên cốt cán dạy tiếng dân tộc Mường; tổ chức khảo sát thực tế tại 4 Mường Bì-Vang- Thàng- Động; Xây dựng tài liệu giáo trình (Từ điển tiếng Mường, giáo trình chung; giáo trình và chương trình chi tiết cho từng đối tượng); Đào tạo đội ngũ giáo viên dạy tiếng dân tộc Mường cho các trường học trong tỉnh (khoảng 500 giáo viên).

- Từ năm 2021 đến 2025: Triển khai dạy và học thí điểm ở các trường dân tộc nội trú (DTNT), một số trường phổ thông, 01 trung tâm GDTX-GDNN, trường CĐ, TCCN và Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình; Triển khai dạy thí điểm cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (dự kiến 01 lớp); Triển khai giai đoạn 1 cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (25% CBCC, VC trong toàn tỉnh, khoảng 4.000 người tham gia).

- Từ năm 2026 đến 2035: Dạy đại trà cho sinh viên các trường cao đẳng, trung cấp, học sinh các trường phổ thông, học viên các trung tâm GDTX-GDNN, cán bộ, công

chức, viên chức và người lao động có nhu cầu trong tỉnh và các địa phương lân cận có nhu cầu.

II. GIỚI HẠN CỦA ĐỀ ÁN

1. Đối tượng

- Cán bộ quản lý các cấp (người dân tộc Mường và các dân tộc khác có nhu cầu học tiếng nói và chữ viết tiếng Mường) trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;
- Cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;
- Học sinh các trường phổ thông, sinh viên các trường cao đẳng, trung cấp, học viên các trung tâm GDTX-GDNN trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Phạm vi

Dạy và học tiếng nói, chữ viết dân tộc Mường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

III. BỐI CẢNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Đề án dạy và học tiếng dân tộc Mường của tỉnh Hòa Bình được triển khai trong bối cảnh đất nước đang trong quá trình đổi mới và hội nhập trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đề án được xây dựng và thực hiện trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam là xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Việc thực hiện đề án có ý nghĩa quan trọng, thể hiện đúng đắn quan điểm, chủ trương trong việc chỉ đạo; đồng thời đánh dấu sự phát triển về tư duy lý luận, văn hóa của các cấp, các ngành ở tỉnh Hòa Bình với mục tiêu xây dựng đời sống tinh thần phong phú, phát triển khoa học, làm cho văn hóa thực sự trở thành nhân tố cơ bản tạo động lực chính thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Việc xây dựng và phát triển ngôn ngữ và bộ chữ Mường là những đóng góp không nhỏ trong việc làm tăng thêm sắc thái trên bức tranh văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Đề án được xây dựng và tổ chức thực hiện sẽ góp phần quan trọng vào sự thành công trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị mà Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hòa Bình lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020 ngày 16/9/2015 đã đề ra.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Nhiệm vụ

1.1. Tham mưu cho các cấp có thẩm quyền ban hành quy định về việc cấp chứng chỉ cho giáo viên dạy và cho người học tiếng nói, chữ viết dân tộc Mường theo quy định tại Quyết định số 02/2006/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các chương trình đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết) cho giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số; Quyết định số 03/2006/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 1 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các chương trình dạy tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

1.2. Trình hồ sơ đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định, cho phép tổ chức dạy và học tiếng nói, chữ viết dân tộc Mường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. (Thực hiện theo Nghị định số 82/2010/NĐ-CP, ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên).

1.3. Xây dựng bộ công cụ (kiến thức căn bản về ngôn ngữ, hiểu biết về văn hóa, phong tục, tập quán của dân tộc Mường) theo quy định tại Quyết định số 02/2006/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các chương trình đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết) cho giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số theo quy định.

1.4. Xây dựng đội ngũ giáo viên dạy tiếng dân tộc Mường tỉnh Hòa Bình.

1.5. Xây dựng kế hoạch và triển khai dạy tiếng dân tộc Mường tại tỉnh Hòa Bình cho học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Tiến độ thực hiện đề án

2.1. Giai đoạn 2018-2020

2.1.1 Xây dựng và hoàn thiện Đề án

- Hợp hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ Đề án tại UBND tỉnh (24 người, 2 ngày);
- Tư vấn tuyển chọn giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì xây dựng Đề án tại UBND tỉnh (24 người, 2 ngày);
- Thực hiện nhiệm vụ xây dựng đề án;
- Thẩm định nội dung của Đề án;
- Hội nghị đánh giá, nghiệm thu chính thức Đề án;

Thời gian: 9 tháng (từ tháng 10/2018 đến tháng 6/2019)

2.1.2. Xây dựng đội ngũ chuyên gia, giảng viên cốt cán dạy tiếng dân tộc Mường

Xây dựng đội ngũ chuyên gia và giảng viên cốt cán giảng dạy tiếng dân tộc Mường thuộc các Sở, Ban, Ngành tham gia chủ biên, đồng chủ biên xây dựng tài liệu, giáo trình chung và chương trình chi tiết, sách giáo khoa chữ Mường cho các đối tượng người học.

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên cốt cán để thực hiện nhiệm vụ (1) xây dựng chương trình, tài liệu, giáo trình chung, chương trình chi tiết, sách giáo khoa chữ Mường cho các đối tượng người học; (2) giảng dạy, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy tiếng dân tộc Mường cho các trường phổ thông, các trung tâm GDTX-GDNN và các trường cao đẳng, trung cấp; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp.

Thời gian: 4 tháng (từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2019)

2.1.3. Khảo sát thực tế và tổ chức hội thảo

Tiến hành khảo sát thực tế tìm hiểu ngôn ngữ, văn hóa của 4 Mường (Bi - Vang - Thàng - Động) và tổ chức Hội thảo đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm và điều chỉnh việc biên soạn, xây dựng chương trình môn học, đề cương chi tiết môn học cho các đối tượng.

Xây dựng phiếu khảo sát, phát phiếu, thu phiếu và tổng hợp xử lý thống kê số liệu.

Thời gian: 10 ngày (tháng 11/2019)

2.1.4. Xây dựng tài liệu giáo trình (Từ điển tiếng dân tộc Mường, giáo trình chung; giáo trình và chương trình chi tiết cho từng đối tượng)

Việc xây dựng giáo trình và chương trình chi tiết cho từng đối tượng dạy và học tiếng Mường trên cơ sở các công trình khoa học:

- Bộ chữ dân tộc Mường;
- Báo cáo xây dựng bộ gõ chữ Mường;
- Tài liệu học chữ Mường cho người biết nói tiếng Mường và biết tiếng Việt (thuộc đề tài “Xây dựng Bộ gõ chữ Mường, Biên soạn tài liệu dạy - học chữ Mường” - Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Cơ quan phối hợp: Viện Ngôn ngữ học - Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam; Chủ nhiệm đề tài: GS.TS Nguyễn Văn Khang, Hòa Bình tháng 2-2018);

- Sách học chữ Mường cho người biết nói tiếng Mường và biết tiếng Việt, (thuộc đề tài “Xây dựng Bộ gõ chữ Mường, Biên soạn tài liệu dạy - học chữ Mường”; Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Cơ quan phối hợp: Viện Ngôn ngữ học - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam; Chủ nhiệm đề tài: GS.TS Nguyễn Văn Khang, Hòa Bình tháng 2-2018).

Trên cơ sở nội dung các tài liệu gốc nêu trên, Hội đồng biên soạn xây dựng tài liệu, giáo trình chương trình môn học, tài liệu môn học cho từng đối tượng người học (chương trình đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc Mường cho các trường phổ thông, các trung tâm GDTX-GDNN và các trường chuyên nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp; chương trình cho học sinh tiểu học, THCS, THPT, GDTX-GDNN và sinh viên các trường cao đẳng, trung cấp) trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Thời gian: 9 tháng (từ tháng 11/2019 đến tháng 7/2020)

2.1.5. Đào tạo đội ngũ giáo viên dạy tiếng dân tộc Mường cho các trường học trong tỉnh

Dự kiến đào tạo 01 giáo viên cho một trường học. Theo số liệu của năm học 2018-2019, tổng số trường học, và các trung tâm trong tỉnh là 640. Ước tính đào tạo 500 giáo viên dạy tiếng dân tộc Mường.

Phương thức đào tạo: lựa chọn đội ngũ giáo viên hiện có để tham gia khóa đào tạo về tiếng dân tộc Mường và bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tiếng dân tộc Mường.

Thời gian: 5 tháng (từ tháng 8/2020 đến tháng 12/2020)

2.2. Giai đoạn 2021 – 2025

2.2.1. Triển khai dạy và học thí điểm ở các trường dân tộc nội trú (DTNT), một số trường phổ thông, 01 trung tâm GDTX-GDNN, 01 trường cao đẳng và Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình

Sau khi hoàn thiện việc xây dựng giáo trình và chương trình chi tiết cho từng đối tượng dạy và học tiếng dân tộc Mường; việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trong hệ thống các trường phổ thông, triển khai dạy và học thí điểm tại các trường DTNT, một số trường phổ thông, 01 trung tâm GDTX-GDNN, 01 trường cao đẳng và trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.

Thời gian: 10 tháng (từ tháng 01/2021 đến tháng 6/2022)

2.2.2. Triển khai dạy thí điểm cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (01 lớp x 150 tiết)

Sau khi hoàn thiện việc xây dựng giáo trình và chương trình chi tiết, triển khai dạy thí điểm (01 lớp) cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Thời gian: thực hiện 4 tháng (từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2021)

2.2.3. Triển khai giai đoạn 1 cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (khoảng 25% CBCC, VC trong toàn tỉnh = 4.000 người tham gia bồi dưỡng, tương đương 80 lớp)

Thời gian: thực hiện từ năm 2022 đến năm 2025

2.2.4. Triển khai giai đoạn 1 cho đội ngũ giáo viên (25% GV trong toàn tỉnh = 4.800 người tham gia bồi dưỡng, tương đương 96 lớp)

Thời gian: thực hiện từ năm 2022 đến năm 2025

2.3. Giai đoạn 2026- 2035

- Tổ chức dạy và học tiếng dân tộc Mường đại trà cho học sinh các trường phổ thông, học viên tại các trung tâm GDTX-GDNN, sinh viên các trường cao đẳng, trung cấp theo chương trình đã được phê duyệt.

- Tổ chức dạy và học tiếng dân tộc Mường đại trà cán bộ, công chức, viên chức ở các Sở, ban, ngành trong tỉnh và người lao động trong các doanh nghiệp.

- Tổ chức dạy và học tiếng dân tộc Mường đại trà cho người lao động có nhu cầu trong tỉnh và các địa phương lân cận có nhu cầu.

- Tổ chức dạy và học tiếng dân tộc Mường đại trà đội ngũ giáo viên trong toàn tỉnh.

Thời gian: thực hiện từ năm 2026 đến năm 2035

3. Các giải pháp thực hiện đề án

3.1. Giải pháp về thể chế, cơ chế thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh có kế hoạch, lộ trình xây dựng Đề án với những nội dung cụ thể, các giai đoạn, tiến độ thực hiện đề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổ chức chỉ đạo các Sở, Ban, Ngành ở địa phương triển khai thực hiện mục tiêu, nội dung và các giai đoạn thực hiện Đề án, đảm bảo đúng kế hoạch và các quy định của pháp luật.

3.2. Giải pháp về xây dựng đội ngũ giảng viên, giáo viên dạy tiếng dân tộc Mường

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì và phối hợp các Sở, Ban, Ngành tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh về các giải pháp xây dựng đội ngũ giảng viên, giáo viên nhằm đảm bảo cả về số lượng và chất lượng khi triển khai dạy và học tiếng dân tộc Mường.

3.3. Giải pháp về xây dựng chương trình, tài liệu và sách giáo khoa

Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp các Sở, Ban, Ngành xây dựng chương trình, tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa cho các đối tượng dạy và học tiếng dân tộc Mường trong Đề án, đảm các quy định pháp luật; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.4. Giải pháp về cơ sở vật chất

Căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành tham mưu dự trù kinh phí, ngân sách để thực hiện các giai đoạn của Đề án; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Đề án: 60.168.336.300 đồng, trong đó:

1.1. Giai đoạn 2018-2020: 10.496.707.300 đồng.

1.2. Giai đoạn 2021- 2025: 14.540.737.000 đồng.

1.3. Giai đoạn 2026- 2035: 29.630.892.000 đồng.

1.4. Kinh phí viết từ điển Việt – Mường: 5.500.000.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục dự toán kinh phí đính kèm)

2. Nguồn vốn thực hiện Đề án

Từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng ngân sách tỉnh Hòa Bình giao trong dự toán hằng năm; nguồn cân đối ngân sách tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Hàng năm, trong quá trình triển khai Đề án, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện đề án xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết về nội dung, kinh phí thực hiện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phần thứ ba

HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Ý nghĩa thực tiễn

Đối với Đảng và Nhà nước: Đề án dạy và học tiếng dân tộc Mường của tỉnh Hòa Bình có ý nghĩa thực tiễn quan trọng đối với việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Đối với nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh: Việc dạy và học tiếng dân tộc Mường sẽ góp phần làm phong phú hơn đời sống văn hóa tinh thần của các tầng lớp

nhân dân ở địa phương.

2. Đối tượng hưởng lợi của đề án

Đề án dạy và học tiếng dân tộc Mường được triển khai thực hiện, sẽ đáp ứng được nguyện vọng của nhiều tầng lớp nhân dân và cán bộ, công chức, viên chức địa phương. Thông qua việc hiểu biết về tiếng nói, chữ viết dân tộc Mường nói riêng và các dân tộc trên địa bàn tỉnh Hòa Bình nói chung, giúp cho nhân dân tăng thêm niềm tin yêu, tự hào, tự tôn dân tộc. Đồng thời, tạo động lực cho các tầng lớp nhân dân trong tỉnh phát huy tinh thần lao động, sáng tạo, nâng cao ý thức trong việc gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, góp phần quan trọng trong việc phát triển đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội ngày càng bền vững.

Đối với cán bộ, công chức đến công tác, cũng như được điều động, biệt phái đến công tác ở địa phương và các dân tộc anh em không phải là dân tộc Mường, sẽ có nhiều thuận lợi hơn trong công tác, cũng như trong sinh hoạt khi được đào tạo, bồi dưỡng về tiếng nói và chữ viết dân tộc Mường. Giúp họ am hiểu thêm phong tục, tập quán, các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc Mường. Từ đó, tạo sự thuận lợi, hiểu biết lẫn nhau trong công tác tuyên truyền, vận động thuyết phục đồng bào dân tộc Mường nhằm thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan thường trực của Đề án, có nhiệm vụ chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện trong việc thực hiện Đề án.

Xây dựng kế hoạch đào tạo tập huấn cho giáo viên dạy tiếng dân tộc Mường; xây dựng khung chương trình, chương trình chi tiết, biên soạn đề cương môn học tiếng Mường cho học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông, sinh viên các trường trên địa bàn tỉnh; đào tạo giáo viên phổ thông các cấp dạy Tiếng nói và chữ viết dân tộc Mường.

Thành lập Hội đồng biên soạn xây dựng khung chương trình, chương trình chi tiết, biên soạn đề cương môn học tiếng Mường cho học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông, sinh viên và giáo viên phổ thông và các đối tượng cần cấp chứng chỉ tiếng dân tộc Mường bao gồm các thành phần: Ban Giám hiệu, Trưởng các phòng, khoa, tổ chuyên môn và giảng viên, giáo viên dạy tiếng nói, chữ dân tộc Mường; hoàn thiện chương trình và giáo trình phù hợp với từng đối tượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, Ban, Ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng đội ngũ chuyên gia, tác giả biên soạn Bộ chữ, sách tiếng dân tộc Mường và học liệu phục vụ cho việc dạy và học tiếng dân tộc Mường; xây dựng đội ngũ giáo viên có chất lượng để bồi dưỡng, dạy tiếng dân tộc Mường cho cán bộ, công chức, viên chức của từng ngành (không kể cán bộ, công chức, viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo) đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực từng ngành cho địa phương.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Dân tộc và các Sở, Ban, Ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo tiếng dân tộc Mường cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, đơn vị hành chính các cấp, các ngành, cộng đồng và doanh nghiệp trong tỉnh.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, Ban, Ngành liên quan tham mưu trực tiếp cho UBND tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, dịch vụ, công trình liên quan đến triển khai kế hoạch của Đề án trong các năm và các giai đoạn tiếp theo từ 2018-2035 theo quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ; các chính sách, về lương, chế độ phụ cấp, bồi dưỡng đối với các đối tượng tham gia xây dựng Đề án, thực hiện các giai đoạn của Đề án; phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí bổ sung vốn ngân sách nhà nước trong kế hoạch hằng năm, ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để thực hiện các nội dung, chương trình của Đề án đạt chất lượng, hiệu quả.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện các nội dung của Đề án về tài liệu, học liệu, giáo trình, giáo khoa môn học tiếng dân tộc Mường và thực hiện các giai đoạn, kế hoạch phát triển Đề án.

6. Sở Tài chính

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của ngành; các chính sách; các quy định về tài chính hiện hành; Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Dự toán cấp ngân sách hằng năm cho Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Cao đẳng

Sư phạm Hòa Bình và các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thực hiện chương trình dạy và học tiếng dân tộc Mường cho cán bộ, công chức, viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo và học sinh, sinh viên.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về xuất bản tài liệu, giáo trình, học liệu và sách giáo khoa chữ Mường.

Thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép xuất bản tài liệu, giáo trình, học liệu và sách giáo khoa chữ Mường phục vụ hoạt động dạy và học tiếng nói chữ viết dân tộc Mường.

8. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng trong quá trình thực hiện Đề án.

9. Ban Dân tộc tỉnh

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước về dân tộc trong quá trình thực hiện Đề án.

Phần thứ năm KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Đề án dạy và học tiếng dân tộc Mường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2035, được xây dựng xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của địa phương tỉnh Hòa Bình; trên cơ sở quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Đề án được xây dựng, tổ chức thực hiện góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển các lĩnh vực kinh tế, văn hóa- xã hội của địa phương. Đảm bảo mục tiêu, nội dung rõ ràng; có các giai đoạn và tiến độ thực hiện; có các giải pháp, phân công trách nhiệm và dự toán kinh phí tổng thể trong tổ chức thực hiện Đề án. Chỉ ra tác động xã hội, ý nghĩa thực tiễn đối với các đối tượng hưởng lợi từ Đề án. Xong, trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án có những khó khăn nhất định.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Chính phủ, các Bộ, Ngành Trung ương quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ tỉnh Hòa Bình trong quá trình thực hiện Đề án.

2. Về kinh phí thực hiện: Kinh phí địa phương có hạn, điều kiện học tập tiếng dân tộc Mường của các đối tượng không giống nhau nên sẽ có nhiều thách thức khi tổ chức các khóa học. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, báo cáo Chính phủ hỗ trợ thêm nguồn kinh phí ngân sách của Trung ương để triển khai thực hiện Đề

án.

3. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt khung chương trình dạy và học Tiếng dân tộc Mường cho các đối tượng của Đề án; cử chuyên gia của Bộ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia và giảng viên cốt cán của tỉnh thực hiện nhiệm vụ xây dựng chương trình chi tiết, tài liệu, giáo trình, giáo khoa./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Văn Cửu

